

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2024
V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp.

2. Ông Lê Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp AHB, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp AHB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2008 chị với anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện P và được cấp giấy chứng nh kết hôn vào ngày 15/8/2008. Chị và anh Lộc có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/07/2003 và Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 06/8/2012 hiện đang sống chung với chị. Do cuộc sống bất đồng quan điểm nên và anh H không còn sống chung với nhau

khoảng hơn 02 năm nay. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thanh Phú giải quyết:

1. Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh H. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho chị.

2. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 06/8/2012, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/7/2003 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nh

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nh định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Anh Phạm Văn H cư trú ấp An Hội B, xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[4] Về hôn nhân: Năm 2008 chị T và anh H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATh, huyện P và được cấp giấy chứng nh kết hôn vào

ngày 15/8/2008. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị T và anh H là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh H là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung khoảng hơn 01 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị T và anh H hòa giải với nhau nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con: Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/07/2003 và Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 06/8/2012. Thấy rằng, từ khi chị T và anh H không còn sống chung, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu Tú trình bày có nguyện vọng sống chung với chị T. Lễ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Phạm Thị Mỹ Tú, sinh ngày 06/8/2012 cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp. Do chị T không yêu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/7/2003 đã trưởng thành, do chị T và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Phạm Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị T quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Do chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H. Do chị T và anh H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 06/8/2012. Do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/7/2003 đã trưởng thành, do chị T và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Phạm Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị T quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000462 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nH:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã AT, huyện P
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Miêng-Lê Mộng linh

Trần Thị Vân

Nơi nH:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân